TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **52/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Ông Phan Công Rô

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ 06 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08 tháng 4 năm 2021. Chị và anh Nguyễn Thanh S có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2021, từ khi anh chị ly thân đến nay con chung sống chung với chị; về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Thanh S không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống, sau khi tổ chức lễ cưới xong, anh chị lo làm ăn và mở được cơ sở mua bán nhỏ, làm ăn một thời gian thì anh Nguyễn Thanh S vỡ chứng không chịu làm ăn mà cứ ăn chơi còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, thường xuyên cãi vã, bất đồng ý kiến mặc dù chị có khuyên ngăn nhưng anh Nguyễn Thanh S không sửa chữa, còn xung đột bạo hành chị và con, chị và anh Nguyễn Thanh S sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Về cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu anh Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.725.000 đồng (3.450.000 đồng : 2) đến khi con của anh chị đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

* *Tại Biên bản xác minh ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Nguyễn Thanh S và chị Lương Thị T xác lập hôn nhân, sinh sống, làm việc tại ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang; anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi bất hòa, anh Nguyễn Thanh S1 không lo làm ăn, mà ăn chơi quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị Lương Thị T khuyên ngăn nhưng anh Nguyễn Thanh S không sửa, còn sung đột, bạo hành chị Lương Thị T và con, anh chị sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay; thời gian anh chị chung sống có 01 người con chung, hiện nay đang chung sống với chị Lương Thị T.

* *Bị đơn anh Nguyễn Thanh S*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nguyễn Thanh S biết để anh có ý kiến về việc chị Lương Thị T yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con với anh nhưng anh Nguyễn Thanh S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp

tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân Lương Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn chị Lương Thị T và anh Nguyễn Thanh S số: 26/2021, ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Giấy khai sinh tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2021 (Bản sao); Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 20 tháng 01 năm 2025 của chị Lương Thị T (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Lương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2021 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Về cấp dưỡng nuôi con, chị rút lại yêu cầu anh Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thanh S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Lương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị cho chị Lương Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lương Thị T rút lại yêu cầu anh Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con đề nghị đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về tài sản chung và nợ, chị Lương Thị T tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lương Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh S, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Thanh S, cư trú tại: ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh S biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Lương Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh nhưng anh Nguyễn Thanh S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Nguyễn Thanh S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Thanh S nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên tòa chị Lương Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thanh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Lương Thị T và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 26/2021 ngày 08 tháng 4 năm 2021, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Lương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S, quá trình chung sống thì anh Nguyễn Thanh S không chịu lo làm ăn mà cứ ăn chơi còn quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, làm ảnh hưởng đến

hạnh phúc gia đình, thường xuyên cãi vã, bất đồng ý kiến với chị Lương Thị T, mặt dù đã được khuyên ngăn nhưng anh Nguyễn Thanh S không sửa chữa, còn xung đột bạo hành vợ con, chị Lương Thị T và anh Nguyễn Thanh S sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay; anh Nguyễn Thanh S không có ý kiến yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Lương Thị T và anh Nguyễn Thanh S chung sống với nhau từ năm 2021 đến tháng 9 năm 2024 phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không tự dàng sếp nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và anh chị đã ly thân nhau đến nay hơn 08 tháng, không còn quan tâm đến nhau, anh Nguyễn Thanh S cũng không quan tâm đến việc chị Lương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp để hàn gắn chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lương Thị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T, cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Lương Thị T và anh Nguyễn Thanh S có 01 người con chung tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2021, từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Lương Thị T. Khi ly hôn, chị Lương Thị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung; anh Nguyễn Thanh S không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Lương Thị T, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Lương Thị T, giao người con chung của anh chị tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2021 cho chị Lương Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lương Thị T rút lại yêu cầu anh Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tài sản chung và nợ, chị Lương Thị T tự xác định, chị và anh Nguyễn Thanh S không có tài sản chung, chị cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2021 cho chị Lương Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được và hiện nay con anh chị đang chung sống với chị Lương Thị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Lương Thị T rút lại yêu cầu anh Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Lương Thị T tự xác định, chị và anh Nguyễn Thanh S không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011926 ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lương Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 10/6/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Yên A, An Biên, Kiên Giang;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo